



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
Số: 255 /TBHH-TCTBDATHHMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 08 tháng 11 năm 2023

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật độ sâu luồng vào, vùng quay tàu, khu nước trước bến
cầu cảng 3.000 DWT và bến số 1, bến số 2 cầu cảng 30.000 DWT

BTN - 17 – 2023.

Vùng biển: tỉnh Bình Thuận.

Tên luồng: luồng chuyên dùng vào cảng Quốc tế Vĩnh Tân.

Căn cứ Đơn đề nghị số 228/CV/VTIP nhận ngày 03/11/2023 của Công ty Cổ phần cảng Quốc tế Vĩnh Tân về việc đề nghị Công bố thông báo hàng hải phạm vi độ sâu khảo sát, lập bình đồ độ sâu phục vụ thông báo hàng hải luồng vào, vùng quay tàu, khu nước trước bến cầu cảng 3.000 DWT và bến số 1, bến số 2 cầu cảng 30.000 DWT.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật độ sâu luồng vào, vùng quay tàu, khu nước trước bến cầu cảng 3.000 DWT và bến số 1, bến số 2 cầu cảng 30.000 DWT, như sau:

1. Trong phạm vi khảo sát khu nước luồng vào, vùng quay tàu cầu cảng 30.000 DWT như sau:

1.1. Khu vực 1, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ”, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
8'	11°18'44,3"N	108°48'54,7"E	11°18'40,6"N	108°49'01,1"E
8	11°18'43,4"N	108°48'54,9"E	11°18'39,7"N	108°49'01,3"E
9	11°18'30,0"N	108°48'53,3"E	11°18'26,3"N	108°48'59,7"E
N3	11°18'03,4"N	108°49'06,1"E	11°17'59,7"N	108°49'12,5"E
N2'	11°17'55,2"N	108°49'11,9"E	11°17'51,5"N	108°49'18,4"E
N4'	11°17'51,9"N	108°49'05,8"E	11°17'48,2"N	108°49'12,2"E
N4	11°18'01,5"N	108°49'01,9"E	11°17'57,8"N	108°49'08,3"E
10	11°18'28,1"N	108°48'49,1"E	11°18'24,4"N	108°48'55,5"E
11'	11°18'38,1"N	108°48'44,3"E	11°18'34,4"N	108°48'50,8"E
12'	11°18'42,5"N	108°48'45,7"E	11°18'38,8"N	108°48'52,2"E

- Xuất hiện điểm độ sâu 9,4 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
9,4	11°18'15,1"N	108°48'57,4"E	11°18'11,4"N	108°49'03,9"E

- Ngoài điểm độ sâu nêu trên tại khu vực này độ sâu đạt 9,8 m.

1.2. Khu vực 2, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
N2'	11°17'55,2"N	108°49'11,9"E	11°17'51,5"N	108°49'18,4"E
N2	11°17'53,2"N	108°49'13,3"E	11°17'49,5"N	108°49'19,8"E
N1	11°17'42,6"N	108°49'35,8"E	11°17'38,9"N	108°49'42,2"E
N6	11°17'38,9"N	108°49'25,6"E	11°17'35,2"N	108°49'32,1"E
N5	11°17'47,5"N	108°49'07,5"E	11°17'43,8"N	108°49'14,0"E
N4'	11°17'51,9"N	108°49'05,8"E	11°17'48,2"N	108°49'12,2"E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 12,4 m.

1.3. Khu vực 3, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ”, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
12'	11°18'42,5"N	108°48'45,7"E	11°18'38,8"N	108°48'52,2"E
11'	11°18'38,1"N	108°48'44,3"E	11°18'34,4"N	108°48'50,8"E
12	11°18'40,0"N	108°48'38,9"E	11°18'36,3"N	108°48'45,3"E
14	11°18'41,0"N	108°48'38,7"E	11°18'37,3"N	108°48'45,1"E

- Xuất hiện các điểm độ sâu 4,5 m; 4,7 m; 4,8 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
4,5	11°18'41,4"N	108°48'41,5"E	11°18'37,7"N	108°48'47,9"E
4,7	11°18'41,5"N	108°48'41,6"E	11°18'37,8"N	108°48'48,0"E
4,8	11°18'41,4"N	108°48'41,3"E	11°18'37,7"N	108°48'47,7"E

- Ngoài các điểm độ sâu nêu trên tại khu vực này độ sâu đạt 5,2 m.

2. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước bến số 2 cầu cảng 30.000 DWT, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ”, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:



Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
7	11°18'45,9"N	108°48'54,3"E	11°18'42,2"N	108°49'00,8"E
8'	11°18'44,3"N	108°48'54,7"E	11°18'40,6"N	108°49'01,1"E
12'	11°18'42,5"N	108°48'45,7"E	11°18'38,8"N	108°48'52,2"E
13'	11°18'44,2"N	108°48'46,3"E	11°18'40,5"N	108°48'52,7"E

- Xuất hiện điểm độ sâu 10,2 m tại vị có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
10,2	11°18'45,8"N	108°48'54,0"E	11°18'42,1"N	108°49'00,4"E

- Ngoài điểm độ sâu nêu trên tại khu vực này độ sâu đạt 11,0 m.

3. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước bến số 1 cầu cảng 30.000 DWT, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
12'	11°18'42,5"N	108°48'45,7"E	11°18'38,8"N	108°48'52,2"E
14	11°18'41,0"N	108°48'38,7"E	11°18'37,3"N	108°48'45,1"E
13	11°18'42,6"N	108°48'38,3"E	11°18'38,9"N	108°48'44,8"E
13'	11°18'44,2"N	108°48'46,3"E	11°18'40,5"N	108°48'52,7"E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 5,0 m.

4. Trong phạm vi khảo sát khu nước luồng vào cầu cảng 3.000 DWT, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
QT-4	11°18'37,2"N	108°48'55,6"E	11°18'33,5"N	108°49'02,0"E
BT-1	11°18'26,3"N	108°48'58,6"E	11°18'22,6"N	108°49'05,0"E
BP-1	11°18'27,0"N	108°49'02,0"E	11°18'23,3"N	108°49'08,4"E
QT-6	11°18'39,5"N	108°48'59,3"E	11°18'35,8"N	108°49'05,8"E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 5,1 m.

5. Trong phạm vi khảo sát khu nước vũng quay tàu trước cầu cảng 3.000 DWT, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
KN2-3	11°18'46,2"N	108°48'55,5"E	11°18'42,5"N	108°49'01,9"E
KN3-3	11°18'46,5"N	108°48'56,9"E	11°18'42,8"N	108°49'03,4"E
KN3-2	11°18'50,5"N	108°48'56,0"E	11°18'46,8"N	108°49'02,5"E
QT-8	11°18'48,8"N	108°49'01,5"E	11°18'45,1"N	108°49'07,9"E
QT-7	11°18'45,3"N	108°49'02,2"E	11°18'41,6"N	108°49'08,7"E
QT-6	11°18'39,5"N	108°48'59,3"E	11°18'35,8"N	108°49'05,8"E
QT-4	11°18'37,2"N	108°48'55,6"E	11°18'33,5"N	108°49'02,0"E

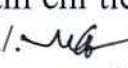
- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 4,0 m.

6. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước bến cầu cảng 3.000 DWT, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
KN3-1	11°18'50,2"N	108°48'54,6"E	11°18'46,5"N	108°49'01,0"E
KN3-2	11°18'50,5"N	108°48'56,0"E	11°18'46,8"N	108°49'02,5"E
KN3-3	11°18'46,5"N	108°48'56,9"E	11°18'42,8"N	108°49'03,4"E
KN2-3	11°18'46,2"N	108°48'55,5"E	11°18'42,5"N	108°49'01,9"E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 4,0 m.

Số liệu căn cứ bình đồ độ sâu ký hiệu từ QTVT_2310_01, QTVT_2310_02 tỷ lệ 1/2000 và QTVT_2310_03 tỷ lệ 1/1000 do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam đo đạc hoàn thành tháng 10 năm 2023.

Để biết thêm thông tin chi tiết đề nghị liên hệ trực tiếp với Công ty Cổ phần cảng Quốc tế Vĩnh Tân⁽¹⁾./. 

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực I;
- Cty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải VN;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng KTKH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu: VT-VP, P.ATHH_{Nhiệm}.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

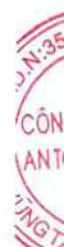


Đinh Thái Công

(1) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin mình cung cấp theo khoản 3, điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Bộ Tư lệnh Cảnh sát Biển
- 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 4 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - Liên danh Việt – Nga Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò & Khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans)
 - Cty CP Vận tải sản phẩm Khí Quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm Ứng phó Sự cố Tràn dầu khu vực miền Nam
- 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)
- 7 Cty CP Vận tải Xăng dầu VITACO
- 8 Cty CP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
- 9 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)
 - Cty TNHH MTV Vận tải Biển đông (BISCO)
 - Cty Vận tải biển Container Vinalines (Vinalines Container)
 - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Cty CP Hàng hải Đông Đô (DONGDO MARINE)
 - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác lao động Quốc tế
 - Cty Hàng hải Vinalines Nha Trang
 - Cty Vận tải Biển Bắc
- 10 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn)
- 11 Cty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart)
- 12 Cty CP Vận Tải & Cung ứng Xăng Dầu Đường Biển
- 13 Cty Vận tải biển Sài Gòn (SaigonShip)
- 14 Cty cổ phần Vận tải biển Việt Nam(VOSCO)
- 15 Cty CP Vận tải biển VINASHIP
- 16 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam
- 17 CN1 – Cty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 18 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 19 Trường Cao đẳng Hàng hải II
- 20 Cty CP Cảng Sài Gòn
- 21 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh
- 22 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh
- 23 Cty Phương Nam – Bộ Quốc phòng
- 24 Bộ đội Biên phòng tỉnh Bình Thuận
- 25 Sở GTVT tỉnh Bình Thuận
- 26 Sở NN&PTNT tỉnh Bình Thuận
- 27 Đài thông tin Duyên hải Phan Thiết
- 28 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Nam Trung Bộ
- 29 Công ty Cổ phần cảng Quốc tế Vĩnh Tân





cầu cảng 30.000DWT

Bến số 2

Bến số 1

13'

12

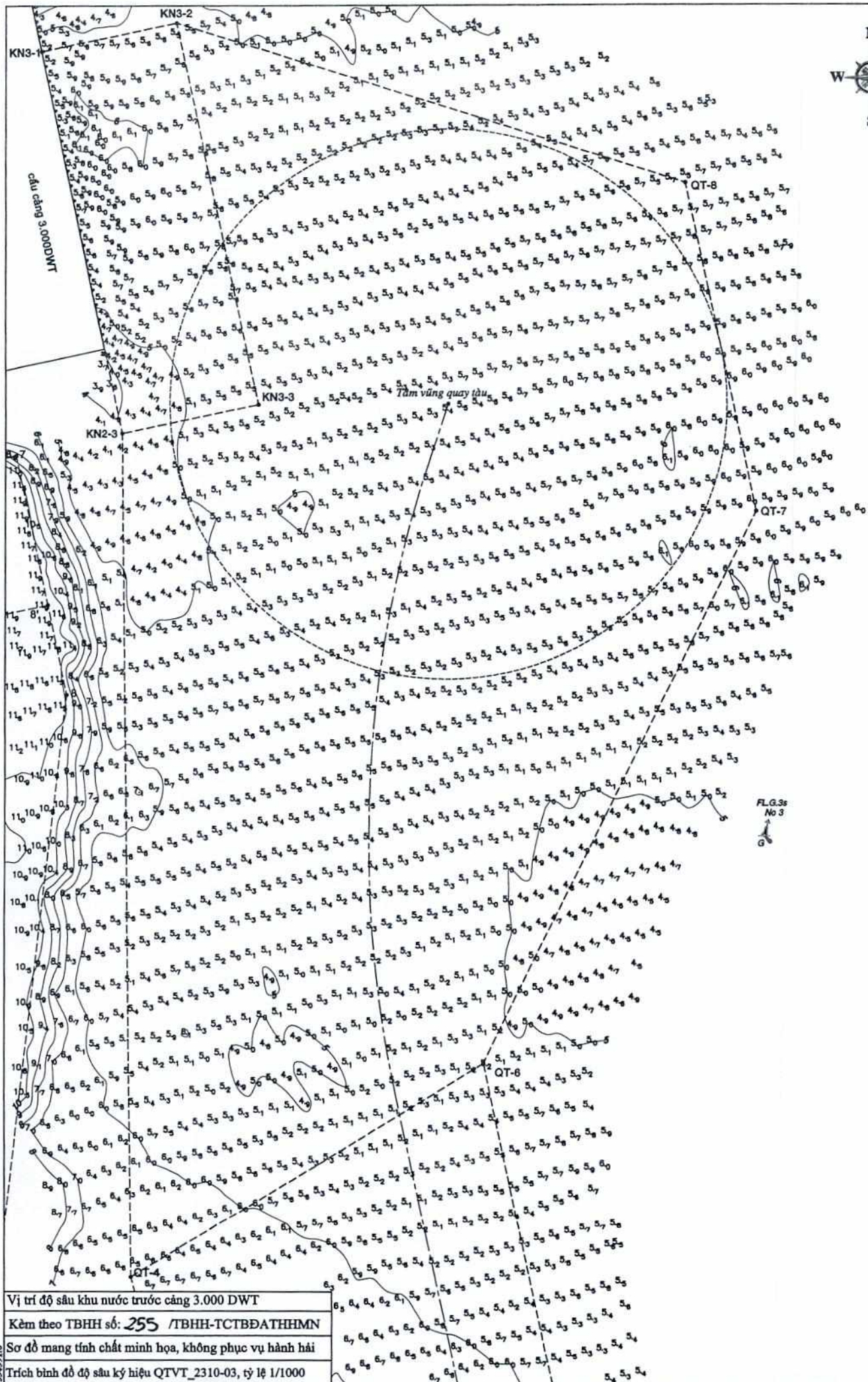
FL.R.3s
No 4

Tâm vùng quay tàu

O1'

Vị trí điểm đo sâu khu nước trước cảng TKCN KV II
Kèm theo TBHH số: 255 /TBHH-TCTBĐATHHMN
Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hành hải
Trích bình đồ đo sâu ký hiệu QTVT_2310-03, tỷ lệ 1/1.000

Kính tuyến trục 108, mũi chiếu 3 độ



Vị trí độ sâu khu nước trước cảng 3.000 DWT
 Kèm theo TBHH số: 255 /TBHH-TCTBĐATHHVN
 Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hành hải
 Trích bình đồ độ sâu ký hiệu QTVT_2310-03, tỷ lệ 1/1000

Kinh tuyến trục 108, múi chiều 3 độ

cầu cảng 30.000DWT

Bến số 2

Bến số 1



FLR.3s
No 4

Tâm vùng quay đầu
O1'

QT-4

Khu vực 1



Vị trí diều độ sâu khu vực trước cầu 30.000 DWT
Kèm theo TRHH số 255/THQS-TCTHĐA THĐN
Số đo mang tính chất minh họa, không phục vụ hành hải
Trích bình đồ độ sâu kỹ thuật QTVT_2310-02, tỷ lệ 1:2.000
1250011.9